

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM**



**HỒ SƠ YÊU CẦU**  
**SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TÀU HN-1930, HN-1931**

Đơn vị mời sửa chữa: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM  
Địa chỉ: 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại: 024.3845.7328 Fax: 024.3845.7186

**Hà Nội, tháng 11 năm 2022**



*Handwritten signature*

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2022

**THƯ MỜI CHÀO GIÁ**  
V/v Sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931

Kính gửi Quý Khách Hàng !

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM xin được gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý Khách hàng.

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty chúng tôi có nhu cầu sửa chữa tàu HN-1930, HN-1931 tại khu vực phía Nam. Nội dung sửa chữa cụ thể có phương án sửa chữa và dự toán vật tư trong “Hồ sơ yêu cầu” kèm theo.

Chúng tôi mong muốn nhận được sự hợp tác, cung cấp dịch vụ sửa chữa của Quý khách hàng trong việc sửa chữa sà tàu HN-1930, HN-1931.

Đề nghị Quý khách hàng quan tâm lập Hồ sơ đề xuất sửa chữa sà lan tự hành HN-1930, HN-1931, bao gồm:

1. Hồ sơ pháp lý.
2. Hồ sơ năng lực.
3. Hồ sơ đề xuất dịch vụ sửa chữa (bao gồm VAT).
4. Bảng tiến độ thi công.
5. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

HSDX dịch vụ sửa chữa nêu trên, đề nghị quý khách hàng nghiên cứu; lập, niêm phong và gửi theo đường công văn tới bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM (địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội).

Thời hạn gửi thư chào giá: trước 9h ngày 21/11/2022.

Trân trọng cảm ơn các Quý khách hàng!

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trịnh Công Giang

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM

**HỒ SƠ YÊU CẦU**  
**SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ TÀU HN-1930, HN-1931**

**Đơn vị mời sửa chữa:** Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM  
**Địa chỉ:** 21B Cát Linh, phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội.  
**Điện thoại:** 024.3845.7328 **Fax:** 024.3845.7186

**Đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM**  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Công Giang**

## PHẦN I: YÊU CẦU SỬA CHỮA TÀU HN-1930, HN-1931

### A. CÁC YÊU CẦU LẬP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

#### I. Yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách pháp lý

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao).
2. Hạch toán kinh tế độc lập.
3. Không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc ứ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể.

#### II. Yêu cầu tài liệu chứng minh năng lực sửa chữa:

1. Cung cấp bản sao hợp đồng đã hoặc đang thực hiện sửa chữa phương tiện;
2. Năng lực sửa chữa, trình độ chuyên môn.
  - Máy móc thiết bị thi công;
  - Nhà xưởng, cầu cảng, âu tàu;
  - Số lượng, trình độ chuyên môn của quản đốc, nhân công;
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (02 năm gần nhất 2020,2021);

#### III. Yêu cầu về quy cách và phương thức giao nhận Hồ sơ đề xuất:

1. Hồ sơ đề xuất được niêm phong, giao nhận trực tiếp tại bộ phận văn thư của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM hoặc chuyển qua đường bưu điện theo địa chỉ: số 21B, phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội trước <sup>09h</sup> ngày 21/11/2022.
2. Hồ sơ đề xuất phải được đóng dấu hoặc gắn xi niêm phong trên bao bì và ghi rõ: “**Hồ sơ đề xuất sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931 Không mở trước 9h30 ngày 21/11/2022**”

## B. CÁC YÊU CẦU SỬA CHỮA

### I. Thông số kỹ thuật và thông tin cơ bản.

#### 1. Thông số kỹ thuật, thông tin cơ bản của tàu HN-1930, HN-1931.

- |                          |           |  |
|--------------------------|-----------|--|
| - Kích thước cơ bản: (m) | LxBxDxd   | 57.06 x 11 x 4.3 x 3.65                |
| - Chiều cao lớn nhất:    | Lmax      | = 60.7m                                |
| - Chiều rộng lớn nhất:   | Bmax      | = 11.2m                                |
| - Chiều cao mạn :        | H         | = 4.3                                  |
| - Công suất máy chính    | N= 620cv  | (Loại máy : Weichai - WHM 6160 C620-5) |
| - Trọng tải của sà lan:  | Ptt= 1633 | Tấn.                                   |
| - Vật liệu : Thép.       |           |  |

(tàu kết cấu mạn kép cách mạn 1,2m, mặt boong khoang hàng cách đáy 0.9m)

#### 2. Thông tin cơ bản.

- Hạng mục: Sửa chữa tàu HN-1930, HN-1931.
- Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- Địa điểm sửa chữa: khu vực phía Nam.
- Thời gian lựa chọn đơn vị sửa chữa dự kiến từ đầu cuối tháng 11/2022.
- Thời gian thực hiện sửa chữa: 20/ngày/tàu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và phương tiện được bàn giao cho Bên B.

## II. Yêu cầu sửa chữa tàu HN-1930, HN-1931.

### A. TÀU HN-1930

#### 1. Phần kích kéo:

- Kéo tàu lên đà bằng bóng hơi, kê kích tàu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

#### 2. Phần thân vỏ tàu

##### 2.1 Phần tôn đáy, mo, mạn.

- Đáy tàu khu vực đáy giữa có các vết lõm cần cắt thay thế.
- Mạn tàu đã có các vết lõm quá tiêu chuẩn kỹ thuật do va đập, cần phải cắt thay.
- Riều tàu có các vết lõm, bẹp sâu, riều tàu đã bị rỉ toàn bộ.

##### 2.2 Khu vực trên boong.

- Tôn be chắn sóng bên trái phần mũi tàu bị biến dạng , móp méo do va đập, kích thước kéo dài 5,5m.
- Tôn mặt boong khu vực bị va đập bị chùn cần cắt thay kích thước 0,8mx 4,5m.
- Tôn mạn tại khu vực va đập bị móp kích thước 3,8m x 1,2m.

*(các hạng mục trên lối do người sử dụng vì vậy yêu cầu bên Công ty Logistics VICEM có biện pháp xử lý)*

- Be chắn gió bên trái phía hậu lái bị móp cần cắt thay thế KT 1,6m x 1,9m.
- Các cổ hầm và nắp hầm bị mọt rỉ, một số nắp đã bị mọt thủng , nhất là các khu vực giáp với thành quây hàng..
- Hai cột bích đơn hậu lái tàu đã bị móp mất lá đề.
- Mặt boong khu vực giáp với thành quây hàng của tàu nhiều vị trí đã xuất hiện các đám rỉ, các khu vực khác đã boong sơn cục bộ.
- Hai đầu cửa thành khoang hàng đã bị mọt, mỏng, có các vị trí bị thủng cần cắt thay mới.
- Một số vị trí ở đáy khoang hàng bị nứt đường hàn.
- Móc treo lớp bị gãy mất, cần hàn thêm 9 móc treo lớp, thay mới 9 quả lớp.
- Con lươn tàu có 02 đoạn bị móp méo KT 0,35 x 1,2 x 2Tôn 10 ly.

### **2.3 Khu vực mạn kép, hầm hàng.**

- Khu vực mạn kép của tàu đã có nhiều vết thủng do gàu cầu móc vào cần phải ốp để đảm bảo độ kín.
- Tôn thành hầm hàng vẫn trong tình trạng tốt, tuy nhiên một số khu vực đã bị gỉ sét do trong quá trình làm hàng lớp sơn bảo vệ đã bị bong chóc.

### **3. Phần bảo dưỡng.**

- Bắn cát toàn bộ phần tôn đáy, mạn, mặt boong và các phụ kiện trên boong, sơn 02 nước sơn chống rỉ và một nước sơn màu bằng sơn 2 thành phần.
- Gõ rỉ toàn bộ 02 ca bin, nóc 02 ca bin, sơn 01 nước sơn chống rỉ và 02 nước sơn màu bằng sơn hai thành phần màu trắng.
- Gõ rỉ 2 hầm mũi, 8 hầm mạn kép tại khu vực cửa hầm mạn kép.

### **4. Đường ống và van.**

- Ống nước làm mát vòng ngoài của máy chính bị mọt thủng, cần phải cắt thay mới bằng ống kẽm không rỉ.
- Tháo bảo dưỡng 2 van thông sông, 02 hồ tụ thay lọc rác.
- Tháo bảo dưỡng 05 van hầm ballas, nếu bị hư hỏng cần tháo thay.

## 5. Phần điện tàu.

- Điện hành trình trên tàu các máng và giá đỡ đã mọt hỏng, 2 bộ máng đèn 180<sup>0</sup> đã mọt hỏng và 03 bóng hành trình đã bị gãy cần thay mới để đảm bảo đăng kiểm.

- Điện sinh hoạt 220V khu vực buồng máy và ca bin đã bị hỏng phải thay.

- Điện sinh hoạt 24V khu vực buồng máy đã bị hỏng phải thay.

- Dây điện chính súp đôi kéo từ hầm máy lên hệ lái trên ca bin đã bị đứt nhiều đoạn.

Tháo sửa chữa bảng táp lô điện máy chính tàu, hiện tại bảng táp lô bị hỏng không báo các thông số của máy.

- Bảo dưỡng củ phát 24V và củ phát 220V.

## 6. Phần máy chính và máy phụ.

- Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.

- Cân chỉnh bơm cao áp.

- Cân chỉnh thay mới 06 kim phun.

- Tháo sửa chữa bảo dưỡng 04 máy D16.

## **B. TÀU HN-1931**

### 1. Phần kích kéo:

- Kéo tàu lên đà bằng bóng hơi, kê kích tàu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

### 2. Phần thân vỏ tàu

#### 2.1 Phần đáy, mạn, mũi.

- Đáy tàu khu vực đáy giữa có các vết lõm cần cắt thay thế.

- Mạn tàu đã có các vết lõm quá tiêu chuẩn kỹ thuật do va đập, cần phải cắt thay.

- Mạn trái phí mũi tàu có 01 vết lõm sâu cần cắt thay thế.

- Riều tàu có 02 vết lõm dài, bẹp sâu, KT 1,5m x 2, riều tàu đã bị rỉ toàn bộ.

#### 2.2 Khu vực trên boong.

- Tôn be chắn sóng bên trái phía hậu lái tàu bị mọt cần cắt thay kích thước 1,5m x 1,9m.

- Các cổ hầm và nắp hầm bị mọt rỉ, một số nắp đã bị mọt thủng, nhất là các khu vực giáp với thành quây hàng.

- một cột bích đơn hậu lái tàu đã bị mọt mất lá đề.

- Cột bích đôi mạn trái trên boong mũi bị lật chân cần khắc phục.

- Mặt boong khu vực giáp với thành quây hàng của tàu nhiều vị trí đã xuất hiện các đám rỉ, các khu vực khác đã boong sơn cục bộ.

- Hai đầu của thành khoang hàng đã bị mọc, mỏng, có các vị trí bị thủng cần cắt thay mới.

- Một số vị trí ở đáy khoang hàng bị nứt đường hàn.

- Móc treo lớp bị gãy mất, cần hàn thêm 8 móc treo lớp, thay mới 8 quả lớp.

### **2.3 Khu vực mạn kép, hầm hàng.**

- Khu vực mạn kép của tàu đã có nhiều vết thủng do gâu cầu móc vào cần phải ốp để đảm bảo độ kín.

- Tôn thành hầm hàng vẫn trong tình trạng tốt, tuy nhiên một số khu vực đã bị gỉ sét do trong quá trình làm hàng lớp sơn bảo vệ đã bị bong chóc.

### **3. Phần bảo dưỡng.**

- Bắn cát toàn bộ phần tôn đáy, mạn, mặt boong và các phụ kiện trên boong, sơn 02 nước sơn chống rỉ và một nước sơn màu bằng sơn 2 thành phần.

- Gõ rỉ toàn bộ 02 ca bin, nóc 02 ca bin, sơn 01 nước sơn chống rỉ và 02 nước sơn màu bằng sơn hai thành phần màu trắng.

- Gõ rỉ 2 hầm mũi, 8 hầm mạn kép tại khu vực cửa hầm mạn kép.

### **4. Đường ống và van.**

- Ống nước làm mát vòng ngoài của máy chính bị mọc thủng, cần phải cắt thay mới bằng ống kẽm không rỉ.

- Tháo bảo dưỡng 2 van thông sông, 02 hố tụ thay lọc rác.

- Bảo dưỡng 05 van hầm ballas nếu bị hư hỏng cần tháo thay.

### **5. Phần điện tàu.**

- Điện hành trình trên tàu các máng và giá đỡ đã mọc hỏng, 2 bộ máng đèn 180<sup>0</sup> đã mọc hỏng và 02 bóng hành trình đã bị gãy cần thay mới để đảm bảo đăng kiểm.

- Điện sinh hoạt 220V khu vực buồng máy và ca bin đã bị hỏng phải thay.

- Điện sinh hoạt 24V khu vực buồng máy đã bị hỏng phải thay.

- Dây điện chính súp đôi kéo từ hầm máy lên hệ lái trên ca bin đã bị đứt nhiều đoạn.

- Bảo dưỡng củ phát 24V và củ phát 220V.

### **6. Phần máy chính và máy phụ.**



- Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.
- Cân chỉnh bơm cao áp.
- Cân chỉnh thay mới 06 kim phun.
- Tháo sửa chữa bảo dưỡng 04 máy D16.

Lưu ý: Các công việc sửa chữa từ nêu mục 1 đến mục 6 (A và B) trong bảng khối lượng mời thầu của HSYC sẽ được hai bên khảo sát, xác định lại sau khi ký hợp đồng; Bên A bàn giao tàu cho Bên B, Bên B đưa tàu lên đà để làm cơ sở xác định giá trị chính thức của hợp đồng, Bên A thực hiện giám sát và làm cơ sở cho Bên B thi công; hai bên nghiệm thu, thanh quyết toán.

### III. Tiến độ thi công

1. Tiến độ thi công sửa chữa tàu HN-1930, HN-1931 không quá 20 ngày/tàu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và phương tiện được bàn giao cho bên B.
2. Yêu cầu phải lập "**Bảng tiến độ thi công**" theo thời gian dự kiến thi công.
3. Bố trí nhân lực thi công các hạng mục theo đúng tiến độ.
4. Lập nhật ký thi công, xác nhận công việc hàng ngày cùng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM

### IV. Yêu cầu về cung cấp vật tư: Đơn vị thi công cung cấp toàn bộ vật tư sửa chữa tàu HN-1930, HN-1931.

1. Cung cấp đủ vật tư theo dự toán sửa chữa được lập.
2. Vật tư cung cấp phải đúng chủng loại, số lượng, chất lượng theo yêu cầu của HSYC.
3. Cùng đại diện Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM lập biên bản nghiệm thu.

### V. Yêu cầu đối với công tác nghiệm thu:

- Chất lượng: Nghiệm thu từng phần cùng đại diện giám sát của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM.
- Số lượng: Khối lượng vật tư đưa vào sửa chữa không nằm ngoài dự toán (trừ khi phát sinh và phải thông báo bằng văn bản cho Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và được hai bên thống nhất bằng văn bản, ký phụ lục hợp đồng để làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán).
- Nghiệm thu khối lượng công việc tổng thể sau khi hoàn thành sửa chữa làm cơ sở Thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

**PHẦN II: PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA TÀU HN-1930**

**1. Khối lượng công việc dự kiến mời thầu.**

A	PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN								
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Phần kích kéo và dịch vụ</b>								
1	Kéo sà lan lên bãi kê kích ổn định, hạ thủy	Sà lan						1.00	
2	Phí lưu bãi	ngày						20.00	
3	Cấp nước sinh hoạt	ngày						20.00	
4	Cấp điện sinh hoạt	ngày						20.00	
5	Chi phí lệ phí Đăng kiểm	Sà lan						1.00	
6	Chi phí khác (các bản vẽ ....) phục vụ đăng kiểm	Sà lan						1.00	
<b>II.</b>	<b><u>Phần phun cát, gõ rỉ, sơn</u></b>								
1	Bắn cát khu vực đáy + mo tàu	m2	57.0	11.5	1	655.5			
2	Bắn cát khu vực mạn, con lươn hai bên tàu	m2	60.0	4.3	2	516.0			
3	Bắn cát be chắn gió mũi mặt trong và ngoài	m2	8.0	1.5	2	24.0			
4	Bắn cát be chắn gió lái mặt trong và ngoài	m2	14.0	1.5	2	42.0			
5	Bắn cát toàn bộ mặt boong	m2	64.0	1.2	2	153.6			
6	Bắn cát toàn bộ thành quây hàng	m2	100.0	1.1	1	110.0			
7	Bắn cát các phụ kiện trên boong	m2				20.0			
8	Bắn cát bánh lái, ky tàu	m2				10.0			

9	Chà ri sét xung quang cabine trước + sau	m2				225.0			
10	Gõ ri hầm mạn kép, két nước nén mũi, lái, nước sinh hoạt	m2				560.0			
11	Sơn nước 1 sơn chống rỉ	m2				2316.1			
12	Sơn nước 2 sơn chống rỉ	m2				2316.1			
13	Sơn màu nước 3 sơn màu	m2				1531.1			
14	Kê đường nước, số thước nước	tàu				1.0			
<b>III.</b>	<b><u>Phần sắt hàn</u></b>							<b>717.30</b>	
1	Thay các miếng đáy bị lõm sâu quá giới hạn.	Tôn 8	0.6	0.6	4	1.440	62.80	90.43	
2	Cắt thay các miếng tôn bị lõm hai bên mạn tàu	Tôn 8	0.5	0.5	4	1.000	62.80	62.80	
3	Cắt thay các miếng tôn mo tàu bị lõm quá giới hạn	Tôn 8	0.5	0.5	4	1.000	62.80	62.80	
4	Thay tôn mặt trên ky lái	Tôn 10	1.5	0.2	1	0.300	78.50	23.55	
5	Cắt thay tôn be gió hộp phía hậu lái bên trái.	Tôn 6	1.2	1.2	1	1.440	47.10	67.82	
6	Mã be gió	Tôn 6	3.0	0.35	1	1.050	47.10	49.46	
7	Cắt thay con lươn bị móp do va đập	Tôn 10	2.0	0.35	2.0	1.400	78.50	109.90	
8	Xương điều	Tôn 10	2.0	0.1	2.0	0.400	78.50	31.40	
9	Ốp tôn vách trong hầm hàng	Tôn 6 ly	0.5	0.4	4.0	0.800	47.10	37.68	
10	Thay nắp hầm và gờ hầm								
-	Nắp hầm	Tôn 6 ly	0.8	0.6	2.0	0.960	47.1	45.22	
11	Thay 02 đoạn đế cột bích đôi	Tôn 8 ly	0.6	0.4	2.00	0.480	62.8	30.14	
12	Cột bích đơn								
-	Ống thép D 220 dày 12 ly	m	0.5		1.0	0.500	65.0	32.50	
-	Ống ngang D60x5.5	m	0.5		1.0	0.500	7.5	3.74	
-	Đế bích	Tôn 8 ly	0.5	0.5	1.0	0.250	62.8	15.70	
13	Gia cường cột bích mũi	Tôn 8 ly	0.5	0.3	4.0	0.600	62.80	37.68	
14	Cắt ngoài cấp	m			25.0				
15	Hàn ngoài cấp	m			25.0				
16	Ống thông hơi khoang hầm mạn kép ống kẽm D60x5.5	Cái	0.50		2.0	1.000	7.48	7.48	

17	Gia công mới hàn khuy treo lớp bị đứt bằng thép D28	Cái		9.0		9.00	
	Riêng phần sắt hàn khu vực đáy tàu, khi tàu lên đà sẽ được khảo sát bổ xung theo thực tế.						
<b>IV.</b>	<b><u>Phần bánh lái và ky lái</u></b>						
1	Tháo bánh lái để kiểm tra sửa chữa. Sau đó lắp ráp lại hoàn chỉnh ( bơm gồm cả công đục bê tông bánh lái)	hệ		1.0			
-	Hàn đĩa gia cường mặt bích bánh lái	cụm		1.0			
-	Đổ bê tông lại mặt bích bánh lái	cụm		1.0			
2	Tháo trục lái trên để kiểm tra sửa chữa thay bạc	Cái		1.0			
-	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái		1.0			
-	Bạc đồng rón lái D80 x 100mm	Cái		1.0			
<b>V</b>	<b><u>Phần chân vịt</u></b>						
1	Tháo chân vịt kiểm tra, ráp lại	Cái		1.0			
2	Thay bulong Inox M16 x 60	bộ		4.0			
3	Đổ keo AB, khi lắp ráp chân vịt	Cái		1.0			
4	Mài đánh bóng, cân bằng tĩnh chân vịt	Cái		1.0			
5	Hàn đắp cánh chân	cánh		4.0			
<b>VI</b>	<b><u>Hệ thống tời neo</u></b>						
1	Tháo bảo dưỡng tra dầu, mỡ bàn tời	Bộ		1.0			
2	Cắt thay 02 ma ní D30	Bộ		2.0			
3	Bảo dưỡng các dao chặn nín	Bộ		2.0			
<b>VII</b>	<b><u>Phần van và đường ống</u></b>						
1	Tháo bảo dưỡng 02 van thông sông D120	Cái		2.0			
2	Tháo vi lược rác vệ sinh thay mới	m		1.0			
3	Tháo bảo dưỡng các van ballas.	cái		5.0			
-	Công thay 01 van ballas	Cái		1.0			
4	Tháo vệ sinh 02 hố tụ thay 2 lưới lọc thông sông	Cái		2.0			
<b>VIII</b>	<b><u>Phần điện sinh hoạt, điện lái, nội thất ca bin</u></b>						
1	Bảo dưỡng đường điện sinh hoạt, thay dây cháy chập	Tàu		1.0			

2	Tháo thay các bóng đèn cháy 24V	Bóng			10.0				
3	Tháo thay các bóng đèn cháy 220V ( bóng tuýp đôi)	Bóng			3.0				
4	Bảo dưỡng củ phát điện 220V	Bộ			1.0				
5	Bảo dưỡng củ phát điện 24V	Bộ			1.0				
6	Bảo dưỡng hệ điện lái thay các đoạn dây hỏng	Bộ			1.0				
7	Bảo dưỡng hệ điện hành trình thay các đoạn dây bị hỏng	Tàu			1.0				
8	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ			3.0				
9	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ			2.0				
<b>IX</b>	<b><u>Hệ thủy lực tàu</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng bốt lái căn chỉnh lại bốt lái	Bộ			1.0				
2	Tháo bom thủy lực hệ lái tháo bảo dưỡng thay các hư hỏng	Cái			1.0				
3	Tháo bảo dưỡng bộ chia thủy lực hệ lái thay các chi tiết hư hỏng	Bộ			1.0				
4	Tháo vệ sinh kích ben lái thay doăng phốt	Bộ			2.0				
5	Thay ty ô thủy lực kích ben lái	Sợi			4.0				
<b>X</b>	<b><u>Phần trang bị</u></b>								
1	Lốp xe ô tô cũ	quả			9.0				
2	Xích D14	m			13.5				
3	Ma ní D14	cái			9.0				
<b>B</b>	<b>PHẦN MÁY CHÍNH VÀ MÁY PHỤ</b>								
<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>Chủng loại/ĐVT</b>	<b>Dài</b>	<b>Rộng</b>	<b>S.lượng</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Barem</b>	<b>K.Lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b><u>Máy chính</u></b>								
1	Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.	Máy			1				
2	Cân chỉnh 6 kim phun	Bộ			1				

3	Cân chính BCA	Lượt		1			
<b>II</b>	<b>Máy phũ</b>						
1	Tháo bảo dưỡng 4 máy D16 TQ	Máy		4			

2- *Khối lượng công việc nhà thầu bổ sung nếu có. (lưu ý: khối lượng công việc do nhà thầu chào bổ sung không xét thầu, chỉ làm cơ sở cho bên mời thầu xem xét để rà soát bổ sung sau khi thầu lên đầ).*

*-Chi phí đăng kiểm HN-1930: Nhà thầu dự thầu theo đúng biểu phí quy định của cơ quan đăng kiểm. Thanh quyết toán theo hóa đơn chứng từ của cơ quan đăng kiểm.*

*-Thời gian sửa chữa HN-1930: tối đa không quá 20 ngày. Trường hợp các nhà thầu có giá chào tương đương, nhà thầu nào có thời gian thực hiện hợp đồng ngắn hơn là cơ sở ưu tiên để xét thầu.*

## D

## TỔNG HỢP VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	ĐVT	Khối Lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư phần bảo dưỡng, sắt hàn, hệ thống..</b>			
1	Tôn 5, 6, 8, 10 ly	Kg	664.58	
2	Ống thép D 220 dày 12 ly	Kg	32.50	
3	Ống thép D60x5.5	Kg	11.22	
4	Thép tròn đặc D28	Kg	9.0	
5	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái	1	
6	Bạc đồng rón lái D80 x 100mm	Cái	1	
7	Bu lông M30x150 x 2 tán	Bộ	6	
8	Bu lông Inox M16x80 bắt cô dề	Bộ	2	
9	Bu lông inox M16x60 chỉ lái	Bộ	4	
10	Keo AB keo 2 thành phần	Hộp	1	
11	Ma ní D30	Bộ	2	
12	Van ballas D 80	Cái	1.0	
13	Van gang D120	Cái	1.0	
14	Vi lược rác KT 500x400 tôn 8 ly	Cái	1.0	
15	Lưới lọc rác Inox	Cái	2.0	
16	Bóng điện 24V	Bóng	10.0	
17	Bóng đèn tuýp đôi 220V	Bóng	3.0	

18	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ	3.0	
19	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ	2.0	
20	Dây điện 2x1.5 ly	m	50	
21	Ty ô thủy lực ty lái	Sợi	4.0	
22	Bộ doăng phốt kích ben lái	Bộ	2.0	
23	Dầu thủy lực lái	Lít	20.0	
24	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 1.602)	Lít	463	
25	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 2.652)	Lít	386	
26	Sơn phủ Epoxy đỏ nâu (ET 3.150)	Lít	120	
27	Sơn phủ PU xanh lá ( ET 3.375)	Lít	80	
28	Sơn phủ PU xám sáng ( ET 3.652)	Lít	70	
29	Sơn phủ Alkyd trắng ( AC 3.690)	Lít	40	
30	Sơn phủ Alkyd xanh dương ( AC 3.452)	Lít	15	
31	Sơn phủ Alkyd đen ( AC 3.750)	Lít	1	
32	Dung môi sơn Epoxy - ET 01	Lít	100	
<b>II</b>	<b>Vật tư phần máy.</b>			
1	Dẻ lau	Kg	10	
2	Van nước hệ làm mát máy D 60	Bộ	2	
3	Dầu Diesel ( rửa + thử)	Lít	50	
4	Joăng xà, hút máy 6.160A	Bộ	1	
5	Joăng đồng quy lát 6.160A	Bộ	1	
6	Joang kín dầu + nước mặt máy	Bộ	1	
7	Bột rà su páp ( Thô + Tinh)	Hộp	2	
8	Keo gắn kính	Hộp	1	
9	Cô-li-ê phi 70 - 80	Cái	16	
10	Long đen côn đầu kim phun	Cái	6	
11	Long đen đồng lỗ phi 8	Cái	16	
12	Long đen đồng lỗ phi 16	Cái	8	
13	Bìa li-e	Tờ	1	
14	Kim phun 8x25	Cái	6	
15	Doăng đồng bộ máy Weichai	Bộ	1	

16	Lõi lọc dầu điezen	Cái	2	
17	Lõi lọc dầu bôi trơn	Cái	2	
18	Đường ống kẽm D50x4 làm mát máy	m	2	
19	Dây cua roa máy chính	Sợi	6	
20	Xéc măng máy chính loại 24 vòng	Bộ	1	
21	Dầu Bôi trơn D50	Lít	90	
22	Bu lông D10x40	Bộ	30	
23	Bu lông D12x40	Bộ	20	
24	Ống cao su có bố D50	m	2	
25	Lọc dầu diezeel máy D16	Cái	4	
26	Lọc dầu bôi trơn máy D16	Cái	4	
27	Kim phun máy D16	Cái	4	
28	Xéc măng máy D16	Bộ	4	
29	Doăng mặt máy, máy D16	Cái	4	
30	Giảm chấn giữa hộp số và máy chính	Bộ	1	
31	Cụm đồng hồ tấp lô báo 6 thông số máy chính	Bộ	1	



## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU SỬA CHỮA TÀU HN-1930

STT	Hạng mục	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Phần máy</b>	
1	<i>Nhân Công</i>	
2	<i>Phần vật tư</i>	
<b>II</b>	<b>Phần thân vỏ tàu (kích kéo, sắt hàn, bảo dưỡng ...)</b>	
1	<b>Nhân công phần thân vỏ</b>	
	<i>Nhân công kích kéo và dịch vụ</i>	
	<i>Nhân công bảo dưỡng</i>	
	<i>Nhân công sắt hàn thân vỏ, hầm hàng...</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ lái</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa chân vịt</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ thống tời neo</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa van và đường ống</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa điện sinh hoạt, nội thất cabin</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ thủy lực</i>	
2	<b>Chi phí vật tư</b>	
	<i>Phần bảo dưỡng - Vật tư sơn</i>	
	<i>Phần sắt hàn</i>	
	<i>Hệ thống lái</i>	
	<i>Hệ thống chân vịt</i>	
	<i>Hệ thống van và đường ống</i>	
	<i>Hệ điện và nội thất cabin</i>	
	<i>Hệ thống thủy lực</i>	
	<i>Trang bị bổ sung vật tư thiết bị an toàn</i>	
<b>A</b>	<b>Tổng cộng chi phí sửa chữa trước thuế</b>	
<b>A1</b>	<i>Nhân Công</i>	
<b>A2</b>	<i>Vật tư</i>	
<b>B</b>	<b>Thuế phần nhân công VAT 8%</b>	
<b>C</b>	<b>Thuế phần vật tư VAT 10%</b>	
<b>D</b>	<b>Vật tư thu hồi (nếu có)</b>	
<b>Z</b>	<b>Cộng chi phí sửa chữa sau thuế</b>	

Bảng chữ: ...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  
(ký tên, đóng dấu)



## PHƯƠNG ÁN SỬA CHỮA TÀU HN-1931

### 1. Khối lượng công việc dự kiến mời thầu.

A	PHẦN THÂN VỎ + CÁC HỆ THỐNG SÀ LAN								
STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Chủng loại/ĐVT	Dài	Rộng	S.lượng	Diện tích	Barem	K.Lượng	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Phần kích kéo và dịch vụ</b>								
1	Kéo sà lan lên bãi kê kích ổn định, hạ thủy	Sà lan						1.00	
2	Phí lưu bãi	ngày						20.00	
3	Cấp nước sinh hoạt	ngày						20.00	
4	Cấp điện sinh hoạt	ngày						20.00	
5	Chi phí lệ phí Đăng kiểm	Sà lan						1.00	
6	Chi phí khác (các bản vẽ ....) phục vụ đăng kiểm	Sà lan						1.00	
<b>II.</b>	<b>Phần phun cát, gõ rỉ, sơn</b>								
1	Bắn cát khu vực đáy + mo tàu	m2	57.0	11.5	1	655.5			
2	Bắn cát khu vực mạn, con lươn hai bên tàu	m2	60.0	4.3	2	516.0			
3	Bắn cát be chắn gió mũi mặt trong và ngoài	m2	8.0	1.5	2	24.0			
4	Bắn cát be chắn gió lái mặt trong và ngoài	m2	14.0	1.5	2	42.0			
5	Bắn cát toàn bộ mặt boong	m2	64.0	1.2	2	153.6			
6	Bắn cát toàn bộ thành quây hàng	m2	100.0	1.1	1	110.0			
7	Bắn cát các phụ kiện trên boong	m2				20.0			
8	Bắn cát bánh lái, ky tàu	m2				10.0			
9	Chà rỉ sét xung quang cabine trước + sau	m2				225.0			
10	Gõ rỉ hầm mạn kép, két nước nén mũi, lái, nước sinh hoạt	m2				560.0			
11	Sơn nước 1 sơn chống rỉ	m2				2316.1			
12	Sơn nước 2 sơn chống rỉ	m2				2316.1			
13	Sơn màu nước 3 sơn màu	m2				1531.1			
14	Kẻ đường nước, số thước nước	tàu				1.0			

<b>III.</b>	<b><u>Phần sắt hàn</u></b>							<b>822.49</b>	
1	Thay các miếng đáy bị lõm sâu quá giới hạn.	Tôn 8	0.5	0.5	4	1.000	62.80	62.80	
2	Cắt thay các miếng tôn bị lõm hai bên mạn tàu	Tôn 8	0.5	0.5	4	1.000	62.80	62.80	
3	Cắt thay các miếng tôn mo tàu bị lõm quá giới hạn	Tôn 8	0.5	0.5	3	0.750	62.80	47.10	
4	Thay tôn mặt trên ky lái	Tôn 10	1.5	0.2	1	0.300	78.50	23.55	
5	Cắt thay tôn be gió 2 góc hộp phía lái bên trái.	Tôn 6	0.8	1.9	2	3.040	47.10	143.18	
6	Mã be gió	Tôn 6	0.8	0.35	4	1.050	47.10	49.46	
-	Thay 01 cột bích đôi phía lái bên phải bị gãy Ống D220	m	0.5		1.0	0.500	65.00	32.50	
-	Ống ngang D60x5.5	m	0.4		1.0	0.400	7.50	3.00	
-	Lá dề	Tôn 8	0.25	0.25	1.0	0.063	62.80	3.93	
7	Cắt thay con lươn bị móp do va đập	Tôn 10	1.8	0.35	2.0	1.260	78.50	98.91	
8	Xương con lươn	Tôn 10	1.8	0.1	2.0	0.360	78.50	28.26	
9	Ốp tôn vách trong hầm hàng	Tôn 6 ly	0.5	0.4	5.0	1.000	47.10	47.10	
10	Thay nắp hầm và gờ hầm								
-	Nắp hầm	Tôn 6 ly	0.8	0.6	4.0	1.920	47.1	90.43	
11	Thay 2 máng đèn xanh đỏ nóc ca bin mũi	Tôn 6 ly	0.2	0.5	2.0	0.200	47.1	9.42	
12	Cột bích đơn								
-	Ống thép D 220 dày 12 ly	m	0.5		1.0	0.500	65.0	32.50	
-	Ống ngang D60x5.5	m	0.4		1.0	0.400	7.5	2.99	
-	Đế bích	Tôn 8 ly	0.5	0.5	2.0	0.500	62.8	31.40	
13	Gia cường cột bích mũi	Tôn 8 ly	0.5	0.3	4.0	0.600	62.80	37.68	
14	Cắt ngoài cấp	m			25.0				
15	Hàn ngoài cấp	m			25.0				
16	Ống thông hơi khoang hầm mạn kép ống kẽm D60x5.5	Cái	0.50		2.0	1.000	7.48	7.48	
17	Gia công mới hàn khuy treo lớp bị đứt bằng thép D28	Cái			8.0			8.00	
	Riêng phần sắt hàn khu vực đáy tàu, khi tàu lên đà sẽ được khảo sát bổ xung theo thực tế.								
<b>IV.</b>	<b><u>Phần bánh lái và ky lái</u></b>								
1	Tháo bánh lái để kiểm tra sửa chữa. Sau đó lắp ráp lại hoàn chỉnh ( bơm gồm cả công đục bê tông bánh lái)	hệ			1.0				

-	Hàn đĩa gia cường mặt bích bánh lái	cụm			1.0			
-	Đồ bê tông lại mặt bích bánh lái	cụm			1.0			
2	Tháo trục lái trên để kiểm tra sửa chữa thay bạc	Cái			1.0			
-	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái			1.0			
-	Bạc đồng rôn lái D80 x 100mm	Cái			1.0			
<b>V</b>	<b><u>Phần chân vịt</u></b>							
1	Tháo chân vịt kiểm tra, ráp lại	Cái			1.0			
2	Thay bulong Inox M16 x 60	bộ			4.0			
3	Đồ keo AB, khi lắp ráp chân vịt	Cái			1.0			
5	Mài đánh bóng, cân bằng tĩnh chân vịt	Cái			1.0			
6	Hàn đắp cánh chân	cánh			4.0			
<b>VI</b>	<b><u>Hệ thống tời neo</u></b>							
1	Tháo bảo dưỡng tra dầu, mỡ bàn tời	Bộ			1.0			
2	Cắt thay 02 ma ní D30	Bộ			2.0			
3	Bảo dưỡng các dao chặn nín	Bộ			2.0			
<b>VII</b>	<b><u>Phần van và đường ống</u></b>							
1	Tháo bảo dưỡng 02 van thông sông D120	Cái			2			
2	Tháo vi lọc rác vệ sinh thay mới	m			1.0			
3	Tháo bảo dưỡng các van ballas.	cái			5.0			
-	Công thay 01 van ballas	Cái			1.0			
4	Tháo vệ sinh 02 hồ tụ thông sông + lắp lại hoàn chỉnh	Cái			2.0			
<b>VIII</b>	<b><u>Phần điện sinh hoạt, điện lái, nội thất ca bin</u></b>							
1	Bảo dưỡng đường điện sinh hoạt, thay dây cháy chập	Tàu			1.0			
2	Tháo thay các bóng đèn cháy 24V	Bóng			10.0			
3	Tháo thay các bóng đèn cháy 220V ( bóng tuýp đôi)	Bóng			3.0			
4	Bảo dưỡng củ phát điện 220V	Bộ			1.0			
5	Bảo dưỡng củ phát điện 24V	Bộ			1.0			
6	Bảo dưỡng hệ điện lái thay các đoạn dây hỏng	Bộ			1.0			
7	Bảo dưỡng hệ điện hành trình thay các đoạn dây bị hỏng	Tàu			1.0			

8	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ			3.0				
9	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ			2.0				
<b>IX</b>	<b><u>Hệ thủy lực tàu</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng bốt lái căn chỉnh lại bốt lái	Bộ			1.0				
2	Tháo bơm thủy lực hệ lái tháo bảo dưỡng thay các hư hỏng	Cái			1.0				
3	Tháo bảo dưỡng bộ chia thủy lực hệ lái thay các chi tiết hư hỏng	Bộ			1.0				
4	Tháo vệ sinh kích ben lái thay doăng phốt	Bộ			2.0				
5	Thay ty ô thủy lực kích ben lái	Sợi			4.0				
<b>X</b>	<b><u>Phần trang bị</u></b>								
1	Lốp xe ô tô cũ	quả			8.0				
2	Xích D14	m			12.0				
3	Ma ní D14	cái			8.0				
<b>B</b>	<b>PHẦN MÁY CHÍNH VÀ MÁY PHỤ</b>								
<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG CÔNG VIỆC</b>	<b>Chủng loại/ĐVT</b>	<b>Dài</b>	<b>Rộng</b>	<b>S.lượng</b>	<b>Diện tích</b>	<b>Barem</b>	<b>K.Lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b><u>Máy chính</u></b>								
1	Tháo kiểm tra bảo dưỡng (bộ hơi) theo cấp máy, bao gồm kiểm tra bạc biên, piston, xi lanh, séc măng, vệ sinh bảo dưỡng các hệ thống của máy chính gồm ( hệ làm mát, hệ phối khí, hệ nhiên liệu, hệ bôi trơn) thay xéc măng, doăng phốt, thay dầu máy.	Máy			1				
2	Cân chỉnh 6 kim phun	Bộ			1				
3	Cân chỉnh BCA	Lượt			1				
<b>II</b>	<b><u>Máy phụ</u></b>								
1	Tháo bảo dưỡng 4 máy D16 TQ	Máy			4				

2- **Khối lượng công việc nhà thầu bổ sung nếu có.** (lưu ý: khối lượng công việc do nhà thầu chào bổ sung không xét thầu, chỉ làm cơ sở cho bên mời thầu xem xét để rà soát bổ xung sau khi thầu lên đầ).

-Chi phí đăng kiểm HN1931: Nhà thầu dự thầu theo đúng biểu phí quy định của cơ quan đăng kiểm. Thanh quyết toán theo hóa đơn chứng từ của cơ quan đăng kiểm.

-Thời gian sửa chữa HN1931: tối đa không quá 20 ngày. Trường hợp các nhà thầu có giá chào tương đương, nhà thầu nào có thời gian thực hiện hợp đồng ngắn hơn là cơ sở ưu tiên để xét thầu.

D

### TỔNG HỢP VẬT TƯ

STT	Tên vật tư	ĐVT	Khối Lượng	Ghi chú
I	<b>Vật tư phần bảo dưỡng, sắt hàn, hệ thống..</b>			
1	Tôn 5, 6, 8, 10 ly	Kg	736.02	
2	Ống thép D 220 dày 12 ly	Kg	65.00	
4	Ống thép D60x5.5	Kg	13.47	
5	Thép tròn đặc D28	Kg	8.00	
6	Bạc đồng trục lái trên D 110 x 200mm	Cái	1	
7	Bạc đồng rôn lái D80 x 100mm	Cái	1	
8	Bu lông M30x150 x 2 tán	Bộ	6	
9	Bu lông Inox M16x80 bắt cổ dê	Bộ	2	
10	Bu lông inox M16x60 chỉ lái	Bộ	4	
11	Keo AB keo 2 thành phần	Hộp	1	
12	Ma ní D30	Bộ	2	
13	Van ballas D 80	Cái	1.0	
14	Van gang D120	Cái	1.0	
15	Vi lược rác KT 500x400 tôn 8 ly	Cái	1.0	
16	Lưới lọc Inox	Cái	2.0	
17	Bóng điện 24V	Bóng	10.0	
18	Bóng đèn tuýp đôi 220V	Bóng	3.0	
19	Thay bóng hành trình xanh đỏ	Bộ	3.0	
20	Thay bóng điện báo mạn 180 độ	Bộ	2.0	
21	Dây điện 2x1.5 ly	m	50	
22	Ty ô thủy lực ty lái	Sợi	4.0	

23	Bộ đoãng phốt kích ben lái	Bộ	2.0	
24	Dầu thủy lục lái	Lít	20.0	
25	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 1.602)	Lít	463	
26	Sơn chống rỉ Epoxy (ET 2.652)	Lít	386	
27	Sơn phủ Epoxy đỏ nâu (ET 3.150)	Lít	120	
28	Sơn phủ Epoxy xanh lá ( ET 3.375)	Lít	80	
29	Sơn phủ Epoxy xám sáng ( ET 3.652)	Lít	70	
30	Sơn phủ Alkyd trắng ( AC 3.690)	Lít	40	
31	Sơn phủ Alkyd xanh dương ( AC 3.452)	Lít	15	
32	Sơn phủ Alkyd đen ( AC 3.750)	Lít	1	
33	Dung môi sơn Epoxy - ET 01	Lít	100	
<b>II</b>	<b>Vật tư phần máy.</b>			
1	Dẻ lau	Kg	10	
2	Van nước hệ làm mát máy D 60	Bộ	2	
3	Dầu Diesel ( rửa + thử)	Lít	50	
4	Joăng xả, hút máy 6.160A	Bộ	1	
5	Joăng đồng quy lát 6.160A	Bộ	1	
6	Joang kín dầu + nước mặt máy	Bộ	1	
7	Bột rà su páp ( Thô + Tinh)	Hộp	2	
8	Keo gắn kính	Hộp	1	
9	Cô-li-ê phi 70 - 80	Cái	16	
10	Long đen côn đầu kim phun	Cái	6	
11	Long đen đồng lỗ phi 8	Cái	16	
12	Long đen đồng lỗ phi 16	Cái	8	
13	Bìa li-e	Tờ	1	
14	Kim phun 8x25	Cái	6	
15	Doăng đồng bộ máy Weichai	Bộ	1	
16	Lõi lọc dầu điezen	Cái	2	
17	Lõi lọc dầu bôi trơn	Cái	2	
18	Đường ống kẽm D60x5.5 làm mát máy	m	2	
19	Dây cua roa máy chính	Sợi	6	
20	Xéc măng máy chính loại 24 vòng	Bộ	1	

21	Dầu Bôi trơn D50	Lít	90	
22	Bu lông D10x40	Bộ	30	
23	Bu lông D12x40	Bộ	20	
24	Ống cao su có bố D50	m	2	
25	Lọc dầu diezeel máy D16	Cái	4	
26	Lọc dầu bôi trơn máy D16	Cái	4	
27	Kim phun máy D16	Cái	4	
28	Xéc măng máy D16	Bộ	4	
29	Doăng mặt máy, máy D16	Cái	4	
30	Giảm chấn giữa hộp số và máy chính	Bộ	1	



## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU SỬA CHỮA TÀU HN-1931

STT	Hạng mục	Thành tiền
<b>I</b>	<b>Phần máy</b>	
1	<i>Nhân Công</i>	
2	<i>Phần vật tư</i>	
<b>II</b>	<b>Phần thân vỏ tàu (kích kéo, sắt hàn, bảo dưỡng ...)</b>	
1	<b>Nhân công phần thân vỏ</b>	
	<i>Nhân công kích kéo và dịch vụ</i>	
	<i>Nhân công bảo dưỡng</i>	
	<i>Nhân công sắt hàn thân vỏ, hầm hàng...</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ lái</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa chân vịt</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ thống tời neo</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa van và đường ống</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa điện sinh hoạt, nội thất cabin</i>	
	<i>Nhân công sửa chữa hệ thủy lực</i>	
2	<b>Chi phí vật tư</b>	
	<i>Phần bảo dưỡng - Vật tư sơn</i>	
	<i>Phần sắt hàn</i>	
	<i>Hệ thống lái</i>	
	<i>Hệ thống chân vịt</i>	
	<i>Hệ thống van và đường ống</i>	
	<i>Hệ điện và nội thất cabin</i>	
	<i>Hệ thống thủy lực</i>	
	<i>Trang bị bổ sung vật tư thiết bị an toàn</i>	
<b>A</b>	<b>Tổng cộng chi phí sửa chữa trước thuế</b>	
A1	<i>Nhân Công</i>	
A2	<i>Vật tư</i>	
<b>B</b>	<b>Thuế phần nhân công VAT 8%</b>	
<b>C</b>	<b>Thuế phần vật tư VAT 10%</b>	
<b>D</b>	<b>Vật tư thu hồi (nếu có)</b>	
<b>Z</b>	<b>Cộng chi phí sửa chữa sau thuế</b>	

Bảng chữ: ...

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**  
(ký tên, đóng dấu)



### PHẦN III: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

#### I. Đánh giá tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất

Hồ sơ đề xuất (HSDX) của nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

1. Có HSDX nộp không muộn hơn thời điểm hết hạn nộp HSDX.
2. Có thư chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp dịch vụ sửa chữa ký tên đóng dấu.
3. Giá chào ghi trong HSDX phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời thầu và giá chào phải bằng Việt Nam đồng.
4. Thời gian nhà thầu đề xuất tiến độ sửa chữa phương tiện đáp ứng yêu cầu HSYC của bên mời thầu.

**II. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:** Sử dụng tiêu chí “Đạt”, “Không đạt” để đánh giá. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí quy định tại các mục dưới đây được đánh giá là “đạt”.

TT	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng
1	Có bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/thành lập doanh nghiệp (đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy)	Đạt
	Trái với điều kiện trên	Không đạt
2	Cam kết không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận về tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc ứ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
3	Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất (năm 2020, 2021) được kiểm toán hoặc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
4	Có bản sao hợp đồng đã hoặc đang thực hiện tương tự trong vòng 02 năm trở lại đây (tối thiểu 01 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu 1.200.000.000 đồng).	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
5	Cam kết bố trí cầu cảng/âu tàu phù hợp để sửa chữa phương tiện	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt

TT	Tiêu chuẩn	Mức độ đáp ứng
6	Chỉ huy trưởng công trường/Quản đốc: số lượng 01 người Yêu cầu: tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đóng tàu, đã làm quản đốc tối thiểu sửa chữa 01 phương tiện có giá trị hợp đồng sửa chữa $\geq 900$ triệu đồng.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
7	Công nhân kỹ thuật có chứng chỉ đào tạo nghề phù hợp với tính chất công việc gói thầu: Thợ sắt; Thợ hàn; Thợ máy; Thợ điện, Thợ bắn cát, phu sơn và kích kéo. Số lượng $\geq 20$ người	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
8	Có cam kết bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và an toàn lao động, an toàn phương tiện trong quá trình sửa chữa.	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
9	Thời gian thực hiện hợp đồng tối đa 20 ngày/tàu, Tổng thời gian thực hiện hợp đồng cam kết không quá 24 ngày (không bao gồm các ngày dừng việc có lý do khách quan).	Đạt
	Trái với trường hợp trên	Không đạt
10	Hiệu lực của hồ sơ đề xuất tối thiểu 60 ngày.	Đạt
	Trái với trường hợp trên (<60 ngày).	Không đạt

### III. Yêu cầu về thiết bị:

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	ĐVT	Số lượng tối thiểu cần có	Ghi chú
1	Cầu cảng để neo đậu tàu	Cầu	01	<i>Nhà cung ứng dịch vụ sửa chữa kê khai số lượng thiết bị</i>
2	Bóng hơi cao su loại 1,2-1,6 m	Quả	08	
3	Máy tời điện 50 tấn	Bộ	01	
4	Bãi xưởng sửa chữa đủ đảm bảo sửa chữa tàu	Bãi	01	
5	Máy hàn điện công nghiệp	Cái	20	
6	Kho lưu trữ vật tư	Kho	01	
7	Máy cắt hơi cầm tay	Cái	10	
8	Máy tiện băng ngắn	Cái	01	
9	Máy khoan đứng	Cái	02	
10	Máy cắt tôn	Cái	01	
11	Máy mài công nghiệp	Cái	10	
12	Máy ép thủy lực 100 tấn trở lên	Cái	01	
13	Xe cầu chuyên dụng	Cái	01	
14	Máy nâng/xe nâng	Cái	01	

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	ĐVT	Số lượng tối thiểu cần có	Ghi chú
15	Máy đập lòng mo	Cái	01	
16	Máy bắn cát áp lực 10kg	Bộ	01	
17	Máy phun sơn (nén khí)	Bộ	01	

**Ghi chú:** Hồ sơ đề xuất sửa chữa được xem xét và đánh giá về giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. HSDX hợp lệ theo quy định tại Mục I - Đánh giá tính hợp lệ của HSDX;
2. HSDX “đạt” tất cả các tiêu chí theo quy định tại Mục II - Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật;
3. HSDX đầy đủ theo quy định tại Mục III. Yêu cầu về thiết bị;

**IV. Tiêu chuẩn đánh giá về giá:** Phương pháp giá thấp nhất

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá chào, giá chào sau hiệu chỉnh sai lệch, sửa lỗi số học, giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà cung cấp: HSDX có tổng giá sau khi hiệu chỉnh sai lệch, sửa lỗi số học trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất và không cao hơn giá dự toán của Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM được mời vào thương thảo, đàm phán hợp đồng.

**PHẦN IV: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG**

**Về việc sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931**

**I. CĂN CỨ KÝ HỢP ĐỒNG**

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
  - Căn cứ Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói thầu “Sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931” ngày .../11/2022 giữa Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và Công ty.....;
  - Căn cứ Quyết định số ..../QĐ-NL&MT ngày .../.../2022 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đơn vị sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931;
  - *Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên*
- Hôm nay, ngày /11/2022. Tại: Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng gồm có:

**II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG**

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VICEM.**

- Đại diện là ông: Chức vụ:
- Giấy uỷ quyền số: / Ngày / /2022.
- Địa chỉ: 21B-phố Cát Linh - Phường Cát Linh - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 0243.8235837 Fax: 0243.8457186
- Tài khoản: 113000093007. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – chi nhánh Chương Dương.
- Mã số thuế: 0100106352
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0100106352 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 26/8/2021;

**BÊN B**

- Đại diện là ông : Chức vụ:
- Địa chỉ :
- Điện thoại :

- Mã số thuế: :

- Tài khoản :

- Tại Ngân hàng :

- Giấy chứng nhận ĐKKD số

Hai bên thống nhất cùng nhau ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

### III. ĐIỀU KHOẢN

#### Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

1.1. “**Bên A**”, Là Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM;

1.2. “**Bên B**”, là.....

1.3. “**Hợp đồng**” là Hợp đồng này và các văn kiện, Hồ sơ Hợp đồng nêu tại Điều 2 của Hợp đồng;

1.4. “**Phụ lục Hợp đồng**”: Là văn bản sửa đổi hoặc bổ sung một hoặc nhiều nội dung của Hợp đồng và là bộ phận không tách rời của Hợp đồng;

1.5. “**Các bên, hoặc Bên A, hoặc Bên B**”: Là các tổ chức, cá nhân có đầy đủ năng lực theo quy định của Pháp luật;

1.6. “**Đơn giá**” là giá dịch vụ sửa chữa tại cầu cảng của Bên B, đã bao gồm chi phí sửa chữa và đầy đủ các loại thuế phí theo quy định hiện hành của pháp luật.

1.7. “**Sự kiện bất khả kháng**” là các sự kiện được phát sinh từ những nguyên nhân khách quan khác nhau vượt quá tầm kiểm soát và dự kiến của Các Bên, Các Bên không biết và không thể biết trước được sẽ xảy ra như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch...;

1.8. “**Ngày**” không bao gồm các ngày nghỉ Chủ nhật; Lễ, Tết theo quy định của Pháp luật;

1.9. “**Pháp luật**” là pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

#### Điều 2. HỒ SƠ HỢP ĐỒNG

Các tài liệu sau đây là một phần không tách rời của Hợp đồng và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên về pháp lý như sau:

2.1. Hồ sơ yêu cầu.

2.2. Văn bản Hợp đồng này;

2.3. Các Phụ lục của Hợp đồng này (nếu có);

2.4. Biên bản đàm phán thương thảo hợp đồng gói thầu “*Sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931*” giữa Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM và Công ty .....

2.5. Quyết định số .../QĐ-NL&MT ngày .../.../2022 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Năng lượng và Môi trường VICEM về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị sửa chữa định kỳ tàu HN-1930, HN-1931”.

#### Điều 3. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận sửa chữa tàu định kỳ tàu HN-1930, HN-1931 của bên A đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, an toàn... đủ điều kiện để phương tiện được cơ quan Đăng kiểm chấp thuận và khai thác vận hành an toàn. Nội dung sửa chữa cụ thể như sau:

**1. Phần kích kéo:**

**2. Phần thân vỏ tàu**

2.1 Phần đáy, mo, mạn.

2.2 Khu vực trên boong.

2.3 Khu vực mạn kép, hãm hàng.

**3. Phần bảo dưỡng**

**4. Đường ống và van.**

**5. Phần điện tàu.**

**6. Phần máy chính và máy phụ.**

Công việc chi tiết thực hiện theo nội dung của HSYC. Trường hợp phát sinh khối lượng ngoài Hợp đồng, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản (khối lượng phát sinh, đơn giá nếu đơn giá cho phần công việc đó chưa có trong hợp đồng), hai bên thống nhất bằng biên bản để làm cơ sở nghiệm thu thanh quyết toán; Ký phụ lục hợp đồng bổ xung phát sinh.

**Điều 4. TIẾN ĐỘ THI CÔNG**

- Thời gian thực hiện sửa chữa: 20 ngày/tàu kể từ khi hợp đồng có hiệu lực, phương tiện được bàn giao cho Bên B (Không kể ngày mưa, bão, mất điện lưới hoặc các lý do bất khả kháng khác). Nhà thầu phải bố trí thời gian, triền đà để đưa 2 tàu HN-1930, HN1931 cùng lên đà để thực hiện các công việc sửa chữa, chênh lệch tối đa không quá 4 ngày.

- Nếu trong thời gian sửa chữa xảy ra các nguyên nhân khách quan khiến Bên B phải ngừng thi công như: ngày mưa, bão, mất điện lưới hoặc do các nguyên nhân bất khả kháng khác thì hai bên cùng nhau lập biên bản xác nhận số ngày Bên B ngừng sửa chữa vào nhật ký thi công để cộng vào tiến độ bàn giao phương tiện. Các nguyên nhân bất khả kháng không thi công phải có xác nhận của cơ quan chức năng.

- Trường hợp nếu bên B không đảm bảo tiến độ thi công như HSĐT sẽ bị phạt chậm tiến độ (số ngày chậm tiến độ x số tiền phạt chậm tiến độ 3.000.000 đồng/ngày). Nếu chậm quá 5 ngày liên tục không có lý do chính đáng hoặc tổng số ngày chậm tiến độ lên đến 10 ngày, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh do hợp đồng bị bên A đơn phương chấm dứt.

**Điều 5: CUNG ỨNG VẬT TƯ**

- Bên B chịu trách nhiệm cung cấp toàn bộ các vật tư sau:

+ Tôn, sắt, thép, vật tư máy và các vật tư khác theo hợp đồng sửa chữa.

+ Cung cấp Ôxy, khí ga, điện năng và nhân công.

**Điều 6: KIỂM SOÁT KỸ THUẬT**

- Kiểm soát kỹ thuật: Bên A cử người giám sát cùng kỹ thuật bên B trong quá trình thi công, phối hợp cùng bên B và Đăng kiểm nghiệm thu các bước theo quy định. Ký các biên bản nghiệm thu chất lượng và toàn bộ nội dung khối lượng công việc sau khi thực hiện.

#### **Điều 7: CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH**

- Bên B chịu trách nhiệm bảo hành về vật tư và công việc sửa chữa. Thời gian bảo hành đối với tất cả các hạng mục công việc sửa chữa là 06 tháng kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao.

#### **Điều 8: GIÁ HỢP ĐỒNG:**

8.1: Tổng giá trị hợp đồng tạm tính ký hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT (giá trúng thầu) là: ..... đồng.

Bằng chữ: .....

8.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

8.3. Giá trị chính thức của hợp đồng: Giá trị chính thức của hợp đồng được xác định lại trên cơ sở:

-Khối lượng công việc: sau khi bên A bàn giao tàu cho bên B, bên B đưa tàu lên đà, hai bên cùng nhau khảo sát lại khối lượng công việc cần thực hiện chi tiết cụ thể, đặc biệt là khối lượng công việc cần sửa chữa của phần ngâm, phần máy sau khi tháo kiểm tra và các công việc phát sinh theo đề xuất của nhà thầu trong Hồ sơ đề xuất dịch vụ sửa chữa. Lập biên bản làm cơ sở giám sát, thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán.

-Đơn giá: Áp dụng đơn giá chào thầu.

#### **Điều 9: HÌNH THỨC THANH TOÁN**

- Bên A thanh toán cho bên B bằng hình thức chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ

- Thanh toán:

+ **Tạm ứng:** Kể từ ngày hợp đồng được ký kết và có hiệu lực trong vòng 5 ngày, bên A sẽ tạm ứng tiền mua vật tư cho bên B 20% giá trị hợp đồng tạm tính tương ứng với số tiền: ..... đồng.

Hồ sơ đề nghị tạm ứng gồm:

- Công văn đề nghị tạm ứng;
- Hóa đơn giá trị gia tăng tương ứng với số tiền tạm ứng hoặc Bảo lãnh tạm ứng tương đương số tiền tạm ứng được phát hành bởi tổ chức tín dụng hợp pháp theo quy định của Nhà nước phát hành nơi bên B mở tài khoản.

+ **Thanh toán đợt 1:** Sau 10 ngày kể từ khi nhận được tiền tạm ứng, Bên A thanh toán cho bên B tối đa đến 60% giá trị khối lượng công việc thực hiện được nghiệm thu. Thời hạn thanh toán đợt 1 là trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đầy đủ Hồ sơ thanh toán đợt 1.

Hồ sơ đề nghị thanh toán đợt 1 bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán;



- Bảng giá trị khối lượng nghiệm thu, thanh toán đợt 1 được hai bên xác nhận;
- Hoá đơn GTGT tương ứng với giá trị đề nghị thanh toán đợt 1.

+ **Quyết toán:** Bên A sẽ tiến hành thanh toán cho bên B đến 97% giá trị quyết toán sau khi bên B hoàn tất thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán.

Hồ sơ đề nghị quyết toán bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh quyết toán;
- Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành đưa vào sử dụng được hai bên xác nhận;

- Bảng quyết toán khối lượng, giá trị công việc hoàn thành;
- Hoá đơn GTGT (tương ứng với giá trị quyết toán).
- Các chứng từ khác (nếu có).

+ **Khoản tiền bảo hành** 3% giá trị quyết toán hợp đồng sẽ được giữ lại 6 tháng kể từ ngày tàu được nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng hoặc sẽ được bên A thanh toán cho bên B sau khi bên B nộp bảo lãnh bảo hành tương ứng với giá trị bảo hành, Thư bảo lãnh bảo hành được phát hành bởi tổ chức tín dụng hợp pháp theo quy định của Nhà nước phát hành nơi bên B mở tài khoản.

+ Vật tư thu hồi (nếu có), Bên B có trách nhiệm thu gom, xác định khối lượng, giá trị theo giá thị trường tại thời điểm hoàn thành các công việc sửa chữa; và được trừ vào giá trị quyết toán sửa chữa.

## **Điều 10: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

### **1. Trách nhiệm của bên A**

- Cử cán bộ cùng cán bộ bên B khảo sát, lập phương án, giám sát thi công, lập và ký nghiệm thu từng phần các hạng mục công việc tại hiện trường.
- Tạm ứng, thanh toán cho bên B đúng thời hạn như Điều 9 của hợp đồng.

### **2. Trách nhiệm của bên B**

- Thi công đảm bảo đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật.
- Thi công các nội dung, hạng mục và khối lượng công việc trong Hợp đồng phù hợp với HSYC.
- Sau khi việc sửa chữa hoàn tất, bên B có trách nhiệm phối hợp cùng bên A hoàn thành việc quyết toán, cung cấp đầy đủ các hoá đơn, chứng từ để thực hiện thanh quyết toán hợp đồng.

## **Điều 11: THƯỞNG PHẠT HỢP ĐỒNG**

- Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Tiền thanh toán chậm được tính trên số tiền bị chậm thanh toán nhân với số ngày chậm thanh toán (từ ngày phải thanh toán theo thỏa thuận hoặc kế hoạch phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế) nhân với mức lãi suất (mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất tại thời điểm phát sinh chậm thanh toán đối với các khoản vay thương mại có tài sản đảm bảo bằng VND kỳ hạn 5 tháng tại BIDV Thanh Xuân).

- Trường hợp nếu bên B không đảm bảo tiến độ thi công như Hồ sơ đề xuất sẽ bị phạt với mức 3.000.000 đồng/ ngày. (Ba triệu đồng). Tổng số tiền phạt tối đa không quá 12% giá trị hợp đồng. Tiền phạt được trừ vào giá trị hợp đồng.

### **Điều 12: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Trong quá trình thi công hai bên chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn về người và thiết bị. Nếu bên nào xảy ra mất an toàn hoặc thiệt hại về tài sản, con người thì bên đó hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Hai bên không được tự ý điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng này. Nếu có sự thay đổi hai bên thống nhất và ký phụ lục hợp đồng.

- Nếu có tranh chấp, hai bên phải nỗ lực giải quyết thông qua thương lượng hoà giải. Nếu việc thương lượng hoà giải không thể đi đến thoả thuận thống nhất thì việc giải quyết tranh chấp sẽ được ra toà án nhân dân tỉnh Hà Nội để giải quyết. Quyết định của toà án được coi là phán quyết cuối cùng và hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai bên, án phí sẽ do bên thua kiện chịu.

### **Điều 13: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG**

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được thanh lý, hết hiệu lực sau khi các bên đã hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản đều có nội dung và giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

## MẪU ĐƠN DỰ THẦU

Ngày: [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Thư mời thầu số: [ghi số trích yếu của Thư mời thầu]

Kính gửi: [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ..... [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ..... [ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu .... [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ..... [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu](2) cùng với Bảng tổng hợp giá dự kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu (nếu có) với số tiền giảm giá là: ..... [ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ..... [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền](3)

Thời gian thực hiện hợp đồng là ..... [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu](4).

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Nếu hồ sơ dự thầu của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ..... (5) ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....(6).

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu (7)**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **Ghi chú:**

(1) Đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

(2) Giá dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có điều kiện kèm theo gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay chỉ giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá) nếu có.

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong hồ sơ dự thầu.

(5) Thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định.

(7) Trường hợp người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho cấp dưới ký đơn thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.